

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2026/HC-PT

Ngày: 13 - 01 - 2026

*V/v Khiếu kiện quyết định hành chính
trong lĩnh vực giao thông đường bộ*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thanh Huyền

Các Thẩm phán: Ông Y Phi Kbuôr và ông Nguyễn Văn Hồng

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Kim Duyên - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Bà Dương Thị Hạnh - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 01 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính phúc thẩm thụ lý số 09/2025/TLPT-HC ngày 28 tháng 10 năm 2025, về việc “Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực giao thông đường bộ”. Do Bản án hành chính sơ thẩm số bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 05/2025/QĐ-PT ngày 27/11/2025, giữa các đương sự:

1. *Người khởi kiện:* Bà Hồ Thị Thanh S, sinh năm 1964; Địa chỉ: B T, phường A, thành phố T, tỉnh Phú Yên. (Nay là B T, phường T, tỉnh Đắk Lắk) (Có mặt).

2. *Người bị kiện:* Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường A, thành phố T, tỉnh Phú Yên.

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng: Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường T, tỉnh Đắk Lắk. Địa chỉ: B T, phường T, tỉnh Đắk Lắk.

Người đại diện hợp pháp: Ông Nguyễn Công T - Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường T, tỉnh Đắk Lắk (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của người bị kiện gồm: ông Nguyễn Văn N - Trưởng phòng Kinh tế, hạ tầng và đô thị; Ông Đặng Quang H - Phó trưởng phòng Kinh tế, hạ tầng và đô thị và ông Trương Trần Hoàng N1 - Chuyên viên phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị đều thuộc Ủy ban nhân dân phường T, tỉnh Đắk Lắk (Vắng mặt).

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

3.1. Ông Nguyễn Ngọc T1, sinh năm 1974; Địa chỉ: N, phường I, thành phố T, tỉnh Phú Yên (Nay là N, phường T, tỉnh Đắk Lắk). Nguyên là công chức Địa chính - xây dựng Ủy ban nhân dân phường A, thành phố T, tỉnh Phú Yên (Vắng mặt).

3.2. Ông Trần Quốc N2, sinh năm 1972; Địa chỉ: 2 L, phường B, thành phố T, tỉnh Phú Yên (N là 2 L, phường T, tỉnh Đắk Lắk). Nguyên là công chức Địa chính - xây dựng Ủy ban nhân dân phường A, thành phố T, tỉnh Phú Yên (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

3.3. Ông Bùi Ngọc T2, sinh năm 1979; Địa chỉ: khu phố N, phường B, thành phố T, tỉnh Phú Yên. (Nay là khu phố N, phường T, tỉnh Đắk Lắk). Nguyên là công chức Tư pháp Ủy ban nhân dân phường A, thành phố T, tỉnh Phú Yên (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

3.4. Ông Nguyễn Quang Đ, sinh năm 1969; Địa chỉ: khu phố D, phường A, thành phố T, tỉnh Phú Yên (Nay là khu phố D, phường T, tỉnh Đắk Lắk). Nguyên là khu phố P, phường A, thành phố T, tỉnh Phú Yên (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

4. *Người kháng cáo:* Người khởi kiện bà Hồ Thị Thanh S.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án, tại phiên toà người khởi kiện bà Hồ Thị Thanh S trình bày:*

Yêu cầu hủy Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 01/QĐ-XPHC ngày 21/01/2025 của Chủ tịch UBND phường A, thành phố T, tỉnh Phú Yên. Lý do: Biên bản tạm giữ tang vật được lập không đúng quy định vì chưa lập biên bản vi phạm hành chính nhưng lại lập biên bản tạm giữ; biên bản vi phạm hành chính lập không đúng quy định vì người lập biên bản không có mặt tại thời điểm lập biên bản, không có mặt bà, không ghi nội dung vi phạm, biên bản được đánh máy vi tính và bà cũng không ký vào biên bản; trong hồ sơ không có tài liệu, biên bản có chữ ký của bà nhưng trong hình ảnh do UBND phường A cung cấp thì có hình ảnh bà ngồi ký; bà S chỉ nhận biên bản tạm giữ tang vật vi phạm, quyết định xử phạt vi phạm hành chính, chưa nhận biên bản vi phạm hành chính; biên bản tạm giữ tang vật bà S nhận khác với biên bản tạm giữ do người bị kiện cung cấp; ngoài ra, biên bản niêm yết không niêm yết tại nhà bà S mà chỉ niêm yết ở nhà văn hóa khu phố B, phường A và niêm yết tại UBND phường A; Ngày đó bà S chỉ thuê giàn giáo để người ta lắp điều hoà, bồn nước cho gia đình bà chứ không phải bà dựng hiện trạng, dựng giàn giáo lên để xây dựng mái tôn, mà mái tôn đã được xây dựng từ lâu rồi và nhà đối diện cũng có thì tại sao chỉ mình bà bị xử phạt còn họ không bị xử phạt; bà S không vi phạm dựng cổng chào hay dựng vật che chắn khác trái quy định pháp luật trong phạm vi đất dành cho đường bộ gây ảnh hưởng trật tự, an toàn giao thông đường bộ theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều 12 Nghị định số 100/2019/NĐ-CP ngày 30/12/2019 quy định xử phạt hành chính trong lĩnh vực giao thông đường bộ và đường sắt.

** Tại Đơn trình bày ý kiến ngày 04/3/2025, người bị kiện Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường A, thành phố T, tỉnh Phú Yên trình bày:*

Vào lúc 16 giờ 45 phút ngày 18/01/2025 qua công tác kiểm tra địa bàn, UBND phường A phát hiện bà Hồ Thị Thanh S có hành vi dùng vật che chắn trái quy định trong phạm vi đất dành cho đường bộ gây ảnh hưởng đến trật tự an toàn giao thông đường bộ tại phía Đông nhà số B T, phường A, thành phố T. Căn cứ điểm b khoản 3 Điều 12 Nghị định số 100/2019/NĐ-CP ngày 30/12/2019 và Nghị định số

123/2021/NĐ-CP ngày 28/12/2021 của Chính phủ, UBND phường A lập Biên bản tạm giữ tang vật, phương tiện vi phạm hành chính, giấy phép, chứng chỉ hành nghề số 02/BB-TG ngày 18/01/2025 tạm giữ của bà Hồ Thị Thanh S 12 chân giàn giáo và 12 mâm giàn giáo (Tất cả tài sản thu giữ trong tình trạng đã cũ). Ngày 20/01/2025, UBND phường A lập Biên bản vi phạm hành chính số 01/BB-VPHC. Ngày 21/01/2025, Chủ tịch UBND phường A ban hành Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 01/QĐ-XPHC trong lĩnh vực giao thông đường bộ và đường sắt về hành vi “Dựng công chào hoặc các vật che chắn trái quy định trong phạm vi đất dành cho đường bộ gây ảnh hưởng đến trật tự an toàn giao thông đường bộ” của bà S với mức phạt 750.000 đồng và đã tổng đạt hợp lệ quyết định xử phạt này cho bà S theo quy định của pháp luật. Như vậy, UBND và Chủ tịch UBND phường A, thành phố T ra Biên bản xử phạt vi phạm hành chính, Biên bản tạm giữ tang vật, phương tiện vi phạm hành chính, giấy phép, chứng chỉ hành nghề số 02/BB-TG ngày 18/01/2025, Quyết định tạm giữ tang vật, phương tiện vi phạm hành chính, giấy phép, chứng chỉ hành nghề số 22/QĐ-TG ngày 20/01/2025 là đúng trình tự, thủ tục, thẩm quyền theo quy định của Luật Xử lý vi phạm hành chính, Nghị định số 100/2019/NĐ-CP ngày 30/12/2019 quy định xử phạt hành chính trong lĩnh vực giao thông đường bộ và đường sắt và Nghị định số 123/2021/NĐ-CP ngày 28/12/2021 của Chính phủ quy định sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định xử phạt vi phạm hành chính hàng hải, giao thông đường bộ, đường sắt, hàng không dân dụng. Đến nay bà S chưa thực hiện Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 01/QĐ-XPHC ngày 21/01/2025. Do đó, Chủ tịch A, thành phố T vẫn giữ nguyên quyết định xử phạt vi phạm hành chính và các Biên bản liên quan đối với bà S và đề nghị Toà án bác yêu cầu khởi kiện của bà S.

** Những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:*

+ Ông Trần Quốc N2 - Nguyên là Công chức địa chính A, thành phố T, tỉnh Phú Yên trình bày: Qua kiểm tra công tác trật tự đô thị, trật tự xây dựng trên địa bàn phường A, thành phố T lúc 16 giờ 45 phút ngày 18/01/2025 (vào ngày thứ bảy), phát hiện bà Hồ Thị Thanh S có hành vi che chắn trái quy định ảnh hưởng đến an toàn giao thông, Đoàn kiểm tra tiến hành thu giữ các tang vật vi phạm. Ngày 20/01/2025, UBND phường A lập biên bản vi phạm hành chính. Ngày 21/01/2025, Chủ tịch UBND phường A ban hành Quyết định xử phạt vi phạm hành chính. Toàn bộ sự việc trên, ông N2 với vai trò là người chứng kiến đã ký vào các biên bản được lập. Tại thời điểm UBND phường A có giao 01 biên bản tạm giữ để bà S ký biên bản nhưng bà S không ký và lấy đi biên bản này. Đoàn công tác tạm thời thu giữ các tang vật và làm các thủ tục xử lý tiếp theo. Sau đó, UBND phường A có đến tại nhà bà S để giao Quyết định xử phạt vi phạm hành chính nhưng bà S chỉ nhận quyết định nhưng không ký.

+ Ông Nguyễn Quang Đ - N1 là khu phố P, phường A, thành phố T, tỉnh Phú Yên trình bày: Vào lúc 16 giờ 45 phút ngày 18/01/2025, qua công tác kiểm tra công tác trên địa bàn phường A, thành phố T phát hiện bà Hồ Thị Thanh S có hành vi dùng vật che chắn trái quy định trong phạm vi đất đai gây ảnh hưởng đến trật tự an toàn giao thông đường bộ về phía Đ T, phường A, thành phố T. Ông Đ chứng kiến sự việc như sau:

UBND phường 1 lập biên bản tạm giữ và biên bản niêm phong tang vật, phương

tiện vi phạm hành chính, giấy phép, chứng chỉ hành nghề ngày 18/01/2025. Ngày 20/01/2025, UBND phường A lập biên bản vi phạm hành chính. Ngày 21/01/2025, Chủ tịch UBND phường A ban hành Quyết định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giao thông đường bộ. Toàn bộ sự việc trên, ông Đ đều chứng kiến và ký vào biên bản. Tại thời điểm UBND phường A giao biên bản tạm giữ tang vật vi phạm hành chính, giấy phép, chứng chỉ hành nghề ngày 18/01/2025 cho bà S và yêu cầu ký vào biên bản thì bà S có ký nhận vào biên bản giao nhận nhưng không giao lại biên bản cho UBND phường A. Đồng thời cùng ngày UBND phường A lập biên bản niêm phong tang vật vi phạm hành chính và tiến hành giao cho bà S ký nhận nhưng bà S không ký. Ngày 20/01/2025, UBND phường A lập biên bản vi phạm hành chính và Quyết định tạm giữ tang vật. Ngày 21/01/2025, UBND phường A ban hành Quyết định xử phạt vi phạm hành chính và tiến hành giao trực tiếp tại nhà bà S nhưng bà S chỉ nhận Quyết định xử phạt vi phạm hành chính nhưng không ký vào biên bản nào.

+ Ông Nguyễn Ngọc T1 - Nguyên là Công chức địa chính A, thành phố T, tỉnh Phú Yên và ông Bùi Ngọc T2 - Nguyên là Công chức tư pháp UBND Phường A, thành phố T, tỉnh Phú Yên vắng mặt nên không trình bày.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số: đã quyết định:

Áp dụng Điều 30, Điều 31, điểm a khoản 2 Điều 193, Điều 348 của Luật Tổ tụng hành chính; điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 14, Điều 32 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 38, Điều 57, Điều 58, Điều 66, Điều 68 Luật Xử lý vi phạm hành chính (sửa đổi, bổ sung năm 2020); điểm b khoản 3 Điều 12 Nghị định 100/2019/NĐ-CP ngày 30/12/2019 của Chính Phủ quy định xử phạt hành chính trong lĩnh vực giao thông đường bộ và đường sắt; Nghị định 123/2021/NĐ-CP ngày 28/12/2021 của Chính Phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực hàng hải; giao thông đường bộ, đường sắt; hàng không dân dụng.

Tuyên xử:

Bác yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện bà Hồ Thị Thanh S về việc yêu cầu hủy Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 01/QĐ-XPHC ngày 21/01/2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường A, thành phố T, tỉnh Phú Yên vì không có căn cứ.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo cho các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 21/8/2025, người khởi kiện bà Hồ Thị Thanh S kháng cáo yêu cầu hủy bản án sơ thẩm;

Tại phiên tòa, người khởi kiện bà Hồ Thị Thanh S vẫn giữ nguyên đơn khởi kiện, đơn kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa trình bày ý kiến: Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán và tại phiên tòa Hội đồng xét xử, Thư ký và các đương sự đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật về tố tụng hành chính; Về nội dung: Tòa án cấp sơ thẩm không Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của

bà Hồ Thị Thanh S là có căn cứ. Đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật tố tụng hành chính: Không chấp nhận kháng cáo của bà Hồ Thị Thanh S, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của các đương sự và của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án, Tòa án cấp sơ thẩm đã tuân thủ đầy đủ và thực hiện đúng quy định của pháp luật. Đơn kháng cáo của bà Hồ Thị Thanh S trong hạn luật định, được miễn nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm, nên vụ án được giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

[2] Xét nội dung kháng cáo của người khởi kiện bà Hồ Thị Thanh S:

Bà Hồ Thị Thanh S kháng cáo, đề nghị cấp phúc thẩm huỷ bản án sơ thẩm và hủy Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 01/QĐ-XPHC ngày 21/01/2025 của Chủ tịch UBND phường A, thành phố T, tỉnh Phú Yên, với các lý do: Biên bản tạm giữ tang vật được lập khi chưa lập biên bản vi phạm hành chính; biên bản vi phạm hành chính lập không đúng quy định vì người lập biên bản không có mặt tại thời điểm vi phạm, bà S không có mặt, không ký; biên bản được đánh máy vi tính; trong hồ sơ không có tài liệu, biên bản có chữ ký của bà nhưng trong hình ảnh UBND phường cung cấp lại thể hiện bà đang ký; bà chỉ nhận biên bản tạm giữ tang vật và quyết định xử phạt, chưa nhận biên bản vi phạm hành chính; biên bản niêm yết không được niêm yết tại nhà bà mà chỉ niêm yết tại UBND phường và Nhà văn hóa khu phố B; ngày 18/01/2025 bà chỉ thuê giàn giáo để thợ lắp điều hoà, bồn nước, mái tôn đã có từ trước, nhà đối diện cũng có mái tôn nhưng không bị xử phạt; bà cho rằng mình không có hành vi “*dựng cổng chào hoặc vật che chắn khác trái quy định trong phạm vi đất dành cho đường bộ*” theo điểm b khoản 3 Điều 12 Nghị định số 100/2019/NĐ-CP.

Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy:

[2.1] Về trình tự lập biên bản tạm giữ và biên bản vi phạm hành chính

Theo tài liệu trong hồ sơ thể hiện: lúc 16 giờ 45 phút ngày 18/01/2025, qua công tác kiểm tra UBND phường A phát hiện bà Hồ Thị Thanh S có hành vi dùng giàn giáo che chắn trong phạm vi đất dành cho đường bộ tại hẻm P T; cùng ngày UBND phường 1 lập Biên bản tạm giữ tang vật, phương tiện vi phạm hành chính số 02/BB-TG ngày 18/01/2025, tạm giữ 12 chân giàn giáo và 12 mâm giàn giáo; ngày 20/01/2025 lập Biên bản vi phạm hành chính số 01/BB-VPHC; ngày 21/01/2025 Chủ tịch UBND phường A ban hành Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 01/QĐ-XPHC đối với bà S.

Luật Xử lý vi phạm hành chính (sửa đổi, bổ sung năm 2020) cho phép trong trường hợp cần ngăn chặn ngay hành vi vi phạm hoặc bảo đảm việc xử phạt, người có thẩm quyền có thể tạm giữ tang vật, phương tiện đồng thời lập biên bản tạm giữ và sau đó lập biên bản vi phạm hành chính trong thời hạn luật định. Việc ngày 18/01/2025 lập

biên bản tạm giữ, sau đó ngày 20/01/2025 lập biên bản vi phạm hành chính số 01/BB-VPHC và ngày 21/01/2025 ban hành quyết định xử phạt là phù hợp trình tự, thủ tục theo quy định tại các Điều 55, 58, 125, 126 Luật Xử lý vi phạm hành chính; không có căn cứ để cho rằng chỉ vì biên bản tạm giữ được lập trước khi lập biên bản vi phạm hành chính mà cho rằng quyết định xử phạt vi phạm hành chính trái pháp luật.

[2.2] Về tính hợp lệ của biên bản vi phạm hành chính.

Biên bản vi phạm hành chính số 01/BB-VPHC ngày 20/01/2025 thể hiện đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 2 Điều 58 Luật Xử lý vi phạm hành chính (sửa đổi, bổ sung năm 2020).

Khoản 1 Điều 58 Luật Xử lý vi phạm hành chính quy định: trường hợp người vi phạm không có mặt tại nơi vi phạm, cố tình trốn tránh hoặc vì lý do khách quan mà không ký vào biên bản thì biên bản phải có chữ ký của đại diện chính quyền cơ sở nơi xảy ra vi phạm hoặc của hai người chứng kiến. Hồ sơ thể hiện biên bản vi phạm hành chính đối với bà S có chữ ký của ông Trần Quốc N2 (nguyên công chức địa chính – xây dựng UBND phường A) và ông Nguyễn Quang Đ (khu phố phó khu phố B) với tư cách người chứng kiến sự việc, phù hợp với quy định nêu trên.

Việc biên bản được soạn thảo bằng máy vi tính không bị pháp luật cấm và không làm thay đổi giá trị pháp lý của biên bản nếu bảo đảm đầy đủ nội dung, hình thức và chữ ký của người có thẩm quyền, người chứng kiến theo quy định. Việc bà S không ký vào biên bản vi phạm hành chính trong khi đã có chữ ký của người chứng kiến và đại diện chính quyền cơ sở không làm biên bản vô hiệu. Do đó, biên bản vi phạm hành chính đã được lập đúng thẩm quyền, đúng hình thức và nội dung theo Điều 58 Luật Xử lý vi phạm hành chính.

[2.3] Về việc giao, niêm yết biên bản và quyết định xử phạt.

Từ tài liệu có trong hồ sơ vụ án thể hiện: Sau khi lập Biên bản tạm giữ tang vật và Biên bản vi phạm hành chính, Ủy ban nhân dân phường A đã tiến hành giao các văn bản cho bà Hồ Thị Thanh S theo quy định. Trường hợp bà S không ký nhận, cơ quan có thẩm quyền đã lập biên bản về việc giao văn bản và thực hiện việc niêm yết tại trụ sở Ủy ban nhân dân phường và Nhà văn hóa khu phố B.

Việc giao, niêm yết nêu trên là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 70 Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2012 (được sửa đổi, bổ sung năm 2020), theo đó: trường hợp không giao được quyết định xử phạt vi phạm hành chính trực tiếp cho cá nhân vi phạm thì quyết định được niêm yết tại trụ sở Ủy ban nhân dân cấp xã nơi cá nhân đó cư trú hoặc tại nơi sinh hoạt chung của cộng đồng dân cư. Luật không quy định bắt buộc phải niêm yết tại nhà riêng của người vi phạm trong mọi trường hợp. Do đó, việc niêm yết tại trụ sở Ủy ban nhân dân phường và Nhà văn hóa khu phố B là đúng quy định pháp luật.

[2.4] Về hành vi vi phạm và nội dung Quyết định xử phạt.

Các ảnh chụp hiện trường do UBND phường A cung cấp thể hiện rõ: tại hẻm P T, phường A, thành phố T có hệ thống giàn giáo được dựng chiếm dụng trong phạm vi

đất dành cho đường bộ, gây cản trở lối đi và tiềm ẩn nguy cơ mất an toàn giao thông. Sổ giàn giáo này phù hợp với nội dung Biên bản tạm giữ số 02/BB-TG ngày 18/01/2025 (12 chân giàn giáo, 12 mâm giàn giáo) và nội dung Biên bản vi phạm hành chính số 01/BB-VPHC ngày 20/01/2025.

Việc bà S trình bày rằng giàn giáo chỉ phục vụ lắp điều hoà, bồn nước, mái tôn đã có từ lâu, không nhằm mục đích che chắn; đồng thời cho rằng nhà đối diện cũng có mái tôn nhưng không bị xử phạt, không làm thay đổi bản chất hành vi là bà đã dựng vật che chắn (giàn giáo) trong phạm vi đất dành cho đường bộ gây ảnh hưởng đến trật tự, an toàn giao thông là hành vi vi phạm theo điểm b khoản 3 Điều 12 Nghị định số 100/2019/NĐ-CP.

Đối với việc bà cho rằng các hộ đối diện có hiện trạng tương tự nhưng không bị xử phạt, đây là vấn đề thuộc phạm vi quản lý hành chính, kiểm tra, xử lý của cơ quan có thẩm quyền.

Từ các phân tích trên, có đủ căn cứ xác định hành vi của bà Hồ Thị Thanh S thuộc trường hợp “Dựng cổng chào hoặc các vật che chắn khác trái quy định trong phạm vi đất dành cho đường bộ gây ảnh hưởng đến trật tự, an toàn giao thông đường bộ” quy định tại điểm b khoản 3 Điều 12 Nghị định số 100/2019/NĐ-CP; mức phạt 750.000 đồng Chủ tịch UBND phường A áp dụng là nằm trong khung và đúng quy định pháp luật.

[2.5] Cấp sơ thẩm đã đánh giá đầy đủ, toàn diện chứng cứ, áp dụng đúng quy định của Luật Xử lý vi phạm hành chính, Nghị định số 100/2019/NĐ-CP, Nghị định số 123/2021/NĐ-CP và các quy định có liên quan, bác yêu cầu khởi kiện của bà Hồ Thị Thanh S là có căn cứ, đúng pháp luật. Bà S kháng cáo nhưng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ mới nào làm thay đổi nội dung vụ án.

Do đó, căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật Tổ tụng hành chính, không chấp nhận kháng cáo của bà Hồ Thị Thanh S, giữ nguyên Bản án hành chính sơ thẩm số 02/2025/HC-ST ngày 19/8/2025 của TAND khu vực 11 – Đắk Lắk.

[3] Về án phí hành chính phúc thẩm: Do không được chấp nhận kháng cáo nên bà Hồ Thị Thanh S phải chịu án phí hành chính phúc thẩm tuy nhiên bà là người cao tuổi nên được miễn tiền án phí hành chính phúc thẩm.

Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 241 của Luật Tổ tụng hành chính;
- Áp dụng điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận đơn kháng cáo của bà Hồ Thị Thanh S, giữ nguyên Quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm số 02/2025/HC-ST ngày 19/8/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 11 – Đắk Lắk.

Tuyên xử:

Bác yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện bà Hồ Thị Thanh S về việc yêu cầu hủy Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 01/QĐ-XPHC ngày 21/01/2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường A, thành phố T, tỉnh Phú Yên (Nay là Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường T, tỉnh Đắk Lắk) vì không có căn cứ.

2. Án phí hành chính phúc thẩm: Bà Hồ Thị Thanh S được miễn án phí hành chính phúc thẩm.

3. Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa phúc thẩm TAND tối cao tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- TAND Khu vực 11;
- VKSND Khu vực 11;
- Phòng THADS Khu vực 11;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

Lê Thị Thanh Huyền